

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 2606/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành: **Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan** (Horticulture and Landscape Design)

Mã ngành: 7620113

Số lượng tín chỉ: 161 TC

Thời gian đào tạo: 4,5 năm

Loại văn bằng: Kỹ sư

Hình thức đào tạo: Chính quy, Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa

Đơn vị quản lý: Khoa Sinh lý - Sinh hóa, Trường Nông nghiệp.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan đào tạo kỹ sư có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực rau hoa quả và thiết kế cảnh quan; có khả năng làm việc độc lập và tư duy sáng tạo trong quá trình sản xuất rau hoa quả, cây cảnh; thiết kế và thi công cảnh quan cho các công trình đô thị, nhà ở, khu nghỉ dưỡng; có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng theo quy định. Ngoài những kiến thức chuyên ngành sinh viên tốt nghiệp còn có các kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế - xã hội, pháp luật; có năng lực quản lý và điều hành các công việc thực tiễn trong lĩnh vực kiến trúc cảnh quan cũng như các quá trình sản xuất rau hoa quả hiện đại; có năng lực tự học, tự chịu trách nhiệm, khả năng thích nghi với sự biến động kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.

1.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể

- Trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có ý thức phục vụ cộng đồng, có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, có khả năng sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng và khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh.
- Trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên môn về lĩnh vực sản xuất rau hoa quả và thiết kế cảnh quan cho các công trình kiến trúc, có khả năng nghiên cứu, đề xuất, vận hành và quản lý các dự án về sản xuất rau hoa quả, kiến trúc phong cảnh đáp ứng nhu cầu xã hội và sự phát triển bền vững.
- Đào tạo sinh viên sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong thiết kế cảnh quan như Photoshop, AutoCAD, Sketchup; trang bị cho sinh viên kiến thức về thiết kế, bảo dưỡng cảnh quan, phương pháp nhân giống và kỹ thuật trồng các loại rau hoa quả và cây kiểng, các phương pháp bảo quản rau hoa quả sau thu hoạch.
- Rèn luyện sinh viên có tư duy khoa học, sáng tạo trong công việc; có kỹ năng làm việc tập thể, có năng lực tự học nâng cao trình độ, có trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng, có sức khỏe đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp trong các lĩnh vực liên quan và có khả năng khởi nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan trình độ đại học, người học có khả năng:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và pháp luật.

- b. Trình bày và vận dụng được các lý thuyết cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh.
- c. Có kiến thức về những nguyên lý cơ bản trong các hoạt động trao đổi chất của tế bào và đời sống của sinh vật.

2.1.2 Khó kiến thức cơ sở ngành

- a. Nắm vững kiến thức sinh học cơ bản về lĩnh vực rau hoa quả, cây kiểng để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng vào thực tế hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.
- b. Áp dụng được phương pháp bố trí thí nghiệm liên quan đến lĩnh vực rau hoa quả, xử lý và phân tích các kết quả đạt được để đề ra các giải pháp thích hợp trong thực tiễn sản xuất.

2.1.3 Khó kiến thức chuyên ngành

- a. Nắm vững kiến thức về bảo dưỡng cảnh quan, kỹ thuật nhân giống, trồng và bảo quản rau hoa quả và cây cảnh.
- b. Sử dụng thông thạo các phần mềm trong thiết kế cảnh quan.
- c. Điều hành, quản lý các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ rau, hoa, quả và cảnh quan.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- a. Quản lý được vườn ươm về nhân giống vô tính, hữu tính và dịch hại liên quan.
- b. Đo đạc và vẽ thiết kế, bố trí cây xanh, cây cảnh cho biệt thự, nhà ở, khu dân cư, khu công nghiệp, trục giao thông, công viên, khu nghỉ dưỡng theo yêu cầu.
- c. Áp dụng được các kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh, bảo quản rau hoa quả sau thu hoạch vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- a. Sử dụng được một ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu), kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản trong nâng cao hiệu quả và chất lượng trong việc thực hiện, giám sát và quản lý các công trình, dự án rau hoa quả và cảnh quan.
- b. Tự lập kế hoạch, giao tiếp, làm việc nhóm, phản biện và giải quyết hiệu quả vấn đề phức tạp trong quá trình học tập và nghiên cứu.

2.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

- a. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
- b. Trung thực, nhiệt tình, năng động và sáng tạo, duy trì ý thức bảo vệ môi trường và kiến tạo cảnh quan thiên nhiên.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ kỹ thuật, quản lý trong các công ty, cơ quan ban ngành, ban quản lý các công trình cảnh quan.
- Nghiên cứu viên, giáo viên, giảng viên ở các Viện, Trường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ rau hoa quả và cảnh quan.
- Có khả năng mở công ty tư nhân sản xuất rau hoa quả hoặc thiết kế và bảo dưỡng cảnh quan.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có năng lực tự học nâng cao trình độ chuyên môn và sáng tạo trong công việc.
- Có thể học cao học ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan trong và ngoài nước.

5. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Horticulture and Landscape Architecture, College of Agricultural Sciences at Colorado State University.
- Garden and Landscape Design, University of Plymouth, England , United Kingdom
- Trường đại học Nông Lâm TP. HCM, ngành Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên.
- Trường đại học Nông Lâm Huế, ngành Công nghệ rau hoa quả & cảnh quan.
- Trường đại học Kiến trúc Hà Nội, ngành Kiến trúc cảnh quan
- Trường đại học Kiến trúc HCM, ngành Kiến trúc cảnh quan

6. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương											
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			Bố trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		AV	60				I,II,III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3				45		FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3				45		FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4				60		FL003		I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3				45		FL007		I,II,III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		45			FL008		I,II,III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15				I,II,III
19	TN034	Thực hành Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III	
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III	
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30					I,II,III
28	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30					I,II,III
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30					I,II,III
30	XH014E	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30					I,II,III
31	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20				I,II,III
32	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20				I,II,III
33	TN059	Toán cao cấp B	3	3			45				I,II,III

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
34	TN042	Sinh học đại cương	2	2		30				I,II,III
35	TN043	TT. Sinh học đại cương	1	1			30			I,II,III
36	TN019	Hóa học đại cương	3	3		45				I,II,III
37	TN020	TT. Hóa học đại cương	1	1			30		TN019	I,II,III
Cộng: 49 TC (Bắt buộc 34 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
38	NN123	Sinh hóa B	2	2		30				I,II
39	NN124	TT. Sinh hóa	1	1			30		NN123	I,II
40	NN128	Sinh lý thực vật A	3	3		45				I,II
41	NN130	TT. Sinh lý thực vật	1	1			30		NN129	I,II
42	NN126E	Di truyền học đại cương	2	2		30				I,II
43	NN127	TT. Di truyền học đại cương	1	1			30		NN126E	I,II
44	TN340E	Nuôi cấy mô thực vật	2	2		20	20			I,II
45	NS164	Nhập môn Công nghệ RHQ và CQ	2	2		30				I,II
46	NS165	Hình họa và Vẽ kỹ thuật - CQ	2	2		20	20			I,II
47	NN529	Phì nhiều đất B	2			20	20			I,II
48	NN442	Sinh học phân tử cây trồng	2			30				I,II
49	NS145E	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật ứng dụng trong nông nghiệp	2			20	20			I,II
50	NN376	Dinh dưỡng cây trồng	2			20	20			I,II
51	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B	2			20	20			I,II
52	NN444	Cỏ dại và cách phòng trừ	2		14	20	20			I,II
53	CS111	Vi sinh học đại cương B	2			20	20			I,II
54	NS122	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	2			20	20			I,II
55	NS382	Tế bào học ứng dụng	2			20	20			I,II
56	XH415E	Du lịch sinh thái	2			30				I,II
57	CN004	Khí tượng thủy văn	2			20	20			I,II
58	NN515E	Mỹ học ứng dụng	2			30				I,II
59	SP169	Phân loại thực vật B	2	2		20	20			I,II
60	NN131	Thỏ nhưỡng B	2	2		20	20			I,II
61	NN438	Côn trùng - HV và CC	2	2		20	20			I,II
62	NN439	Bệnh cây - HV và CC	2	2		20	20			I,II
63	NN518	Kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh	3	3		30	30			I,II
64	NN111E	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Nông nghiệp	2	2		15	30			I,II
65	KT005E	Quản trị doanh nghiệp đại cương	2	2		30				I,II
66	NN169	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm - TT&NH	3	3		30	30	TN059		I,II
67	NN142	Anh văn chuyên môn hoa viên và cây cảnh	2		2	30				I,II
68	XH019	Pháp văn chuyên môn - KH&CN	2			30				I,II
Cộng: 50 TC (Bắt buộc 34 TC; Tự chọn: 16 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
69	NN175	Trắc địa đại cương	2	2		15	30			I,II
70	NS166	Đồ họa ứng dụng trong thiết kế cảnh quan 1	2	2		20	20	NS165		I,II
71	NS167	Đồ họa ứng dụng trong thiết kế cảnh quan 2	2	2		20	20	NS166		I,II
72	KC457	Kiến trúc cảnh quan	2	2		30		NS167		I,II
73	NN453	Nghệ thuật hoa viên	2	2		20	20			I,II
74	NS258	Kỹ thuật sản xuất cây ăn trái và rau sạch	3	3		30	30			I,II
75	NS384	Công nghệ sau thu hoạch rau hoa quả	2	2		20	20			I,II
76	NN452	Cỏ và cây cảnh đô thị	2	2		20	20			I,II
77	NN448	Quy hoạch, thiết kế và bảo dưỡng cảnh quan	2	2		20	20	NS167		I,II
78	NS208	Sinh lý học thực vật ứng dụng	2	2		20	20			I,II
79	NN464	Kỹ thuật nhân giống rau hoa quả và quản lý vườn ươm	2	2		20	20			I,II
80	NN565	Thực tập cơ sở - RHQ&CQ	2	2			60			III
81	NN566	Thực tập giáo trình - RHQ&CQ	2	2			60			II
82	NN522	Dinh dưỡng hoa và cây cảnh	2	2		20	20			I,II
83	NN567	Kỹ thuật cắm hoa và trình bày mâm trái cây	2	2		20	20			I,II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
84	NN447	Thiết bị và công cụ làm vườn	2		16	20	20			I,II	
85	NN450	Hệ thống tưới tiêu	2			20	20			I,II	
86	NS267	Phương pháp thủy canh	2			20	20			I,II	
87	NS298	Xử lý ra hoa cây cảnh	2			20	20			I,II	
88	NN473	Quản lý dịch hại rau hoa quả	2			20	20			I,II	
89	TS310	Kỹ thuật nuôi cá cảnh và thủy đặc sản	2			30				I,II	
90	NN193	Kỹ thuật Bonsai	2			20	20			I,II	
91	KT360E	Quản trị sản xuất	3			45				I,II	
92	NS369	Kỹ thuật trồng hoa lan	2			20	20			I,II	
93	NN460	Kỹ thuật trang trí nội thất	2			20	20			I,II	
94	NN521	Phong thủy	2			20	20			I,II	
95	NS168	Đồ án thiết kế cảnh quan 1	2				60	NS167		I,II	
96	NS169	Đồ án thiết kế cảnh quan 2	2				60	NS167		I,II	
97	NS520	Luận văn tốt nghiệp - RHQ	15				450	≥120TC		I,II	
98	NS433E	Tiểu luận tốt nghiệp - RHQ	6			180	≥120TC		I,II		
99	NS158	IPM và IPHM trong bảo vệ thực vật 1	2		15	20	20		NS433E	I,II	
100	NN390E	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	2			20	20			NS433E	I,II
101	NN245	Hệ thống thông tin địa lý - GIS	2			20	20			NS433E	I,II
102	NN381E	Nấm ăn	2			20	20			NS433E	I,II
103	NN514	Sản xuất cây trồng sạch	2			20	20			NS433E	I,II
104	NN389E	Sản xuất cây trồng quy mô trang trại	2			30				NS433E	I,II
105	KT240	Marketing nông nghiệp	3			30	30			NS433E	I,II
106	NS418E	Xây dựng và đánh giá dự án nông nghiệp	2			30				NS433E	I,II
107	KT244	Phân tích chuỗi cung ứng hàng nông sản	2			22	16			NS433E	I,II
108	MT308E	Quản lý và đánh giá tác động môi trường	2			30				NS433E	I,II
Tổng cộng: 62 TC (Bắt buộc: 31 TC; Tự chọn: 31 TC)											
Tổng cộng: 161 TC (Bắt buộc: 99 TC; Tự chọn: 62 TC)											

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Tính

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Hải

TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Vàng